TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:44/2020/HS-ST
Ngày 23/7/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Dung.

Bà Ngô Thị Hoài.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 22/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 06/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H, sinh năm 1982 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tvà bà Nguyễn Thị K; có vợ: Nguyễn Thị X và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2020 đến nay. Có mặt.

2. Lê Văn T, sinh năm 1989 tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Kh; vợ, con: Chưa có. Bị cáo là em ruột của Lê Văn H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2020 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hoá.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Minh Th, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/4/2020, Lê Văn H đi câu lươn tại cánh đồng ở thôn Ph xã T, huyện L phát hiện nhà kho của anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 ở thôn Ph, xã T cạnh cánh đồng không có có cửa, bên trong có một chiếc máy cày tay và một số thiết bị của máy. Đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 06/4/2020, Lê Văn H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy cày trên của anh D, nên lấy ở nhà mình một chiếc cờ lê rồi đi bộ sang nhà Lê Văn T (em ruột H), rủ T cùng đi trộm cắp tài sản. Khi nghe H rủ đi trộm cắp tài sản tại nhà kho của anh D thì T đồng ý và lấy xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu nâu - đen - vàng, biển kiểm soát 36F1-097.99 của mình, điều khiển xe chở H đến nhà kho của anh D. Khi đi đến cách nhà kho khoảng 10 mét, T dừng xe, tắt máy, sau đó cả hai đi vào bên trong nhà kho. H và T mỗi người vác một chiếc bánh lồng sắt dài khoảng 75cm, rộng khoảng 65cm ra để cạnh xe, sau đó tiếp tục quay trở lại kho. T vác 01 chiếc bừa sắt cao khoảng 20cm, dài khoảng 1,4 mét mang ra xe, còn H lại dùng chiếc cờ lê mang theo tháo rời chiếc máy nổ nhãn hiệu TANPHAT, loại nặng 80kg khỏi thân máy cày rồi cả hai khiêng chiếc máy nổ ra để cạnh xe mô tô. H và T xếp tất cả số tài sản lấy được lên xe mô tô, H ngồi phía sau giữ, còn Tuấn ngồi trước điều khiển xe mô tô chở H và số tài sản trên đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Hoàng Minh Th ở thôn T, xã Th, bán toàn bộ số tài sản trộm cắp được cho anh Th với giá 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Sau khi bán được tài sản, Lê Văn T chở Lê Văn H đến khu vực cầu Lèn, thuộc địa phận thị trấn H, huyện H, dùng toàn bộ số tiền bán được tài sản trên để mua ma túy và đã sử dụng hết số ma túy này. Đến ngày 08/4/2020, nhận thức được hành vi phạm tội của mình, Lê Văn H và Lê Văn T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện L đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGHS ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND Huyện L, kết luận: Tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Trong đó: 01 đầu máy nổ nhãn hiệu TANPHAT loại 80kg, có giá: 1.750.000đ; 02 bánh lồng, mỗi bánh đường kính 65cm, có giá: 550.000đ; 01 chiếc bừa bằng sắt dài 1,4 mét, có giá: 700.000đ.

Quá trình điều tra, anh Hoàng Minh Th đã tự nguyện giao nộp số tài sản anh đã mua của các bị cáo cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L và yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) mà anh đã bỏ ra mua các tài

sản của các bị cáo. Đối với chiếc cờ lê màu trắng, dài khoảng 20cm đến 25 cm, mà Lê Văn H khai báo mang từ nhà đi, sau đó sử dụng vào việc tháo chiếc máy nổ, trên đường đi tiêu thụ tài sản, Lê Văn H đã vứt ở dọc đường, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Ngoài hành vi cùng với Lê Văn H trộm cắp tài sản của gia đình anh Nguyễn Văn D ngày 06/4/2020 nêu trên, quá trình điều tra còn xác định, trước đó, vào tối ngày 05/3/2020, Lê Văn T cùng với Phạm Tuấn Ph, Nguyễn Văn S cùng ở thôn T, xã T, đã có hành vi đột nhập vào trang trại của gia đình ông Ngô Văn Q, sinh năm 1957 ở khu Th, thị trấn L trộm cắp của gia đình ông Q một số tài sản có tổng giá trị 9.815.000đ (chín triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Ngày 21/7/2020 Lê Văn T đã bị TAND huyện L xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về vật chứng của vụ án: Ngày 29/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trả lại cho ông Nguyễn Văn D toàn bộ số tài sản các bị cáo đã trộm cắp, anh D đã nhận đủ tài sản và không có ý kiến gì khác. Đối với chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu nâu, đen, vàng, biển kiểm soát 36F1-097.99 của Lê Văn T sử dụng vào việc trộm cắp tài sản hiện đang bảo quản tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện L chờ xử lý.

Đối với Hoàng Minh Th là người mua số tài sản do các bị cáo Hu và T trộm cắp. Quá trình điều tra xác định anh Th hành nghề thu mua sắt vụn, không biết tài sản các bị cáo trộm cắp mà có, do đó cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với anh Th.

Cáo trạng số 43/CT-VKSHL ngày 22/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt bị cáo Lê Văn H từ 08 đến 10 tháng tù .

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt bị cáo Lê Văn T từ 07 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo trả lại cho anh Hoàng Minh Th số tiền 550.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu nâu, đen, vàng, biển kiểm soát 36F1-097.99 của Lê Văn T dùng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23^{h} ngày 06/4/2020, Lê Văn H và Lê Văn T đi xe máy ra cánh đồng lén lút, đột nhập vào nhà kho của ông Nguyễn Văn D ở thôn Phú Đ, xã T, huyện L trộm cắp 01 đầu máy nổ nhãn hiệu TANPHAT loại 80kg, 02 bánh lồng đường kính 65cm, 01 chiếc bừa bằng sắt dài 1,4m. Sau khi trộm cắp được tài sản các bị cáo đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, đến ngày 08/4/2020 các bị cáo nhận thức được hành vi của mình nên đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình. Kết luận định giá tài sản số số 21/KL-HĐĐGHS ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hậu Lộc kết luận: Tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Với động cơ tư lợi, lười lao động muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác các bị cáo đã lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt tài sản, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cho từng người nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, để có hình phạt phù hợp với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Đối với bị cáo Lê Văn H là người nảy sinh ý định, chuẩn bị công cụ, rủ Lê Văn T và trực tiếp thực hiện tội phạm, do đó H có vai trò thứ nhất của vụ án, có hình phạt cao hơn so với Tuấn. Đối với bị cáo Lê Văn T là người trực tiếp cùng với H thực hiện tội phạm, nhưng có vai trò hạn chế hơn so với H nên hình phạt thấp hơn so với H.

[5] *Xét về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình; đối với bị cáo Lê Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Lê Văn T trước đó đã phạm tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án xét xử nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] Về phần bồi thường dân sự: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn D, ông D đã nhận lại đầy đủ không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét. Đối với số tiền 550.000 đồng của anh Hoàng Minh Th đã mua các tài sản của các bị cáo,

anh Th không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có. Nay anh Th yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 550.000 đồng nên chấp nhận buộc các bị cáo trả lại cho anh Thảo.

[8] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu nâu, đen, vàng, biển kiểm soát 36F1-097.99 của Lê Văn T sử dụng vào việc trộm cắp tài sản. Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với Lê Văn H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với Lê Văn T.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 579,580, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H **10** (*Mười*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/4/2020.

Bị cáo Lê Văn T **09** (*Chín*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/4/2020.

Về bồi thường: Buộc Lê Văn T và Lê Văn H mỗi bị cáo phải trả cho anh Hoàng Minh Th số tiền 275.000 đồng. (Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về vật chứng: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave RSX màu nâu, đen vàng, biển kiểm soát 36F1-097.99 xe cũ đã qua sử dụng, không có cụm đèn hậu của Lê Văn T (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 31/BBVC-CCTHA ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc).

Án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn H và Lê Văn T mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6 ,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga

Nơi nhận:
-. TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hậu Lộc.
- Cơ quan THA HS huyện Hậu Lộc.
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc.
- Các bị cáo, bị hại., ngườii có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.